

MOTTA M9000

Dầu động cơ ô tô con tổng hợp toàn phần PAO

SAE 0W-20 | SAE 0W-30 | SAE 0W-40

Mô tả sản phẩm

MOTTA M9000 là dòng dầu động cơ ô tô con tổng hợp toàn phần PAO trong họ M, cho động cơ xăng cao cấp cần hiệu năng độ nhớt thấp, lưu động ở nhiệt độ thấp và ổn định ở nhiệt độ cao. Hệ dầu gốc PAO hỗ trợ lưu thông khi khởi động, chống oxy hóa, giữ sạch động cơ và bảo vệ chi tiết quan trọng. Tham chiếu hiệu năng được nêu riêng cho mỗi cấp SAE.

Đặc tính & lợi ích

Đặc tính	Lợi ích cho khách hàng
Chống mài mòn động cơ	Giúp bảo vệ các chi tiết bôi trơn quan trọng khi vận hành bình thường.
Kiểm soát cặn	Giúp kiểm soát cặn bùn và cặn bám để giữ động cơ sạch.
Chống oxy hóa	Chống xuống cấp dầu trong điều kiện vận hành dự kiến.
Hiệu năng theo nhiệt độ	Duy trì lưu thông dầu và độ bền màng dầu trong toàn dải nhiệt độ vận hành.

Ứng dụng

- Ô tô con và xe nhẹ yêu cầu cấp độ nhớt SAE đã nêu.
- Động cơ xăng hoặc diesel được chỉ định cấp hiệu năng đã nêu.
- Xe vận hành trong điều kiện nhà sản xuất thiết bị cho phép.

Luôn tuân theo khuyến nghị của nhà sản xuất thiết bị về cấp độ nhớt, cấp hiệu năng và chu kỳ bảo dưỡng.

Tham chiếu hiệu năng

Tiêu chuẩn / tham chiếu	Tham chiếu hiệu năng
API SQ	Pha chế theo yêu cầu hiệu năng API SQ.
MB 229.71 (SAE 0W-20)	Đáp ứng yêu cầu hiệu năng Mercedes-Benz 229.71.
Volvo VCC RBS0-2AE (SAE 0W-20)	Đáp ứng yêu cầu hiệu năng Volvo VCC RBS0-2AE.
MB 229.61 (SAE 0W-30)	Đáp ứng yêu cầu hiệu năng Mercedes-Benz 229.61.
BMW Longlife-12 FE (SAE 0W-30)	Đáp ứng yêu cầu hiệu năng BMW Longlife-12 FE.
MB 229.51 (SAE 0W-40)	Đáp ứng yêu cầu hiệu năng Mercedes-Benz 229.51.
ACEA C3 (SAE 0W-40)	Đáp ứng yêu cầu hiệu năng ACEA C3.

Tham chiếu hiệu năng thể hiện mục tiêu pha chế / cấp hiệu năng, không phải chấp thuận, chứng nhận hay giấy phép chính thức trừ khi được nêu rõ.

Đặc tính điển hình

Chỉ tiêu	Phương pháp thử	SAE 0W-20	SAE 0W-30	SAE 0W-40
Cấp SAE	SAE J300	SAE 0W-20	SAE 0W-30	SAE 0W-40
Độ nhớt động học ở 100°C, cSt	ASTM D445	8.5	10.5	14.5

Chỉ tiêu	Phương pháp thử	SAE 0W-20	SAE 0W-30	SAE 0W-40
Chỉ số độ nhớt	ASTM D2270	190	192	195
Điểm chớp cháy (COC), °C	ASTM D92	228	232	236
Điểm đông đặc, °C	ASTM D97	-54	-51	-48

Bao bì

Hạng mục bao bì	Thông tin sản phẩm
Quy cách bao bì	Xác nhận theo chứng từ đơn hàng tương ứng.
Dạng bao bì	Phuy công nghiệp và hàng rời; xác nhận khi đặt hàng.
Tình trạng cung cấp	Hình thức bao bì và thiết kế nhãn được xác nhận theo chứng từ đơn hàng tương ứng.

Sức khỏe, an toàn & lưu kho

Về hướng dẫn sức khỏe, an toàn và môi trường, tham khảo Phiếu an toàn hóa chất (SDS) tương ứng trước khi sử dụng, lưu kho, vận chuyển hoặc thải bỏ.

Bảo quản trong bao bì gốc đầy kín, nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp, mưa, nhiệt độ cao và nhiễm bẩn. Áp dụng nhập trước xuất trước và giữ truy xuất mã lô trong toàn chuỗi phân phối.

Lưu ý về giá trị điển hình

Các giá trị nêu trên là đặc tính kỹ thuật điển hình, không phải thông số kỹ thuật sản phẩm. Có thể có sai lệch sản xuất thông thường. Các giá trị này không phải kết quả kiểm tra theo lô và không được dùng làm dữ liệu Giấy chứng nhận phân tích (COA).